

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠ HUOAI
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20/11/2018
V/v: Tranh chấp ly hôn giữa bà
V và ông S.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông K'Chiêu
2. Ông K' Mák

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đ- tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2018/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị V – Sinh năm: 1982

Địa chỉ: Thôn A – xã K – huyện Đ1 - tỉnh Lâm đồng.

(Bà V có mặt tại phiên tòa)

+ Bị đơn: Ông Phạm Văn S – Sinh năm: 1980

Trú tại: Thôn 6 – xã O – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng.

(Ông S vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ghi ngày 19 tháng 6 năm 2018 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Hoàng Thị V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà V và ông S quen biết nhau là do mai mối rồi tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau sau đó được sự đồng ý của hai bên gia đình về chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới năm 2007. Sau khi cưới khoảng 1 năm bà V và ông S mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đa Oai, huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng ngày 09/5/2008. Bà V và ông S chung sống với nhau được khoảng hơn 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, ông S nhiều lần đánh đập, xúc phạm bà V, bà V cũng đã nhiều lần yêu cầu chính quyền địa phương can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả. Gia đình hai bên có hòa giải nhưng do quan điểm sống quá khác nhau nên không thể chung sống hòa thuận được. Đến cuối năm 2009 bà V đã bế con về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống cho đến nay; trong khoảng thời gian sống ly thân không ai còn quan tâm đến ai nữa, bản thân bà V đã không thể cố gắng níu kéo hạnh phúc gia đình thêm được, hôn nhân không đạt được mục đích, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên bà V yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Văn S.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà V và ông S có 01 con chung là cháu Phạm Văn U – sinh ngày 11/3/2008. Khi ly hôn bà V có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà V và ông S không có tài sản chung.

Về công nợ chung: Bà V và ông S không có công nợ.

Ngoài ra bà Hoàng Thị V không trình bày hay yêu cầu gì khác.

* Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tiến hành thông báo, triệu tập ông Hoàng Văn S Tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông S vắng mặt không có lý do, theo biên bản xác minh ngày 16/8/2018 tại Công an xã O, huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng ông S có hộ khẩu tại địa phương tuy nhiên thường xuyên vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án ông S cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

* Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Hoàng Thị V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên.

* Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đánh giá về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định pháp luật về tố tụng. Nguyên đơn bà Hoàng Thị V chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phạm Văn S không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự như không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm không có lý do.

- Về nội dung của vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân của bà V và ông S không đạt được mục đích, tình trạng mâu thuẫn kéo dài, ông S và bà V đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay không ai có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà V có đơn yêu cầu Ly hôn với ông S nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà V được ly hôn với ông S.

+ Về con chung: Trong thời gian chung sống bà V và ông S có 01 con chung là cháu Phạm Văn U – sinh ngày 11/3/2008. Xét yêu cầu của bà V và xét nguyện vọng của con chung Phạm Văn U nên giao 01 con chung Phạm Văn U – sinh ngày 11/3/2008 cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu U thành niên là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Phạm Văn U sau khi ly hôn.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà V không yêu cầu ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Bà V và ông S không có tài sản chung nên không xem xét.

+ Về công nợ chung: Bà V trình bày không có công nợ chung, không ai yêu cầu bà V, ông S thực hiện nghĩa vụ trả nợ chung nên không xem xét.

* Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

- Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn bà Hoàng Thị V cung cấp: 01 Trích lục nhận kết hôn (bản sao); 01 giấy khai sinh của con chung (bản sao); 01 giấy chứng minh nhân dân của bà Hoàng Thị V (bản sao); 01 sổ hộ khẩu chủ hộ mang tên Hoàng Thị V (bản sao); 01 EMS chuyển phát nhanh số hiệu EC 67 23844 8 NV (bản chính).

- Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: 01 Biên bản lấy lời khai của bà Hoàng Thị V ngày 03/7/2018; 01 biên bản xác minh ngày 16/8/2018 tại Công an xã O, huyện Đ; 01 bản tự khai của Phạm Văn U ngày 09/10/2018; 01 biên bản xác minh ngày 15/10/2018 tại Ủy ban nhân dân xã O, huyện Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Hoàng Thị V khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Phạm Văn S, ông S có nơi cư trú Thôn B, xã O, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là vụ án tranh chấp ly hôn và Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

Bị đơn ông Phạm Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Phạm Văn S là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hôn nhân:

Bà V và ông S tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã O, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng ngày 09/5/2008 và có tổ chức đám cưới vì vậy quan hệ hôn nhân được xác lập giữa bà V và ông S là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ và lời khai của đương sự có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Trong quá trình chung sống giữa bà V và ông S đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau, bà V đã thể hiện mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng bằng việc yêu cầu chính quyền địa phương và gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả, do mâu thuẫn không giải quyết được nên bà V và ông S thường xuyên cãi nhau khiến cuộc sống hôn nhân trở nên căng thẳng. Từ năm 2009 đến nay bà V và ông S đã sống ly thân, bà V và con chung đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại xã K, huyện Đ1, tỉnh Lâm Đồng để sống trong suốt khoảng thời gian sống ly thân không ai có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không ai còn quan tâm đến ai, không còn liên lạc với nhau nữa. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn của bà V và ông S trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nữa.

Tại biên bản xác minh ngày 15/10/2018 trưởng thôn B, xã O, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng ông Nguyễn Văn Q cũng xác nhận trong khoảng thời gian sống chung ông S và bà V có cãi nhau, không cùng nhau nuôi dạy con chung, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Bà V đã chuyển về Đ1, sinh sống từ năm 2009 cho đến nay đã gần 10 năm. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà V và ông S trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã ly thân từ năm 2009 đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa, mục đích hôn nhân giữa bà V và ông S không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình thì Hội Đồng xét xử xét thấy cần chấp

nhận yêu cầu ly hôn của bà Hoàng Thị V, cho bà V được ly hôn với ông Phạm Văn S là có cơ sở pháp luật và phù hợp với thực tế.

[3] Về con chung: Giấy khai sinh (bản sao) số 172 quyển số 01/08 ngày 29/5/2008 của Ủy ban nhân dân xã O, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thể hiện họ tên Phạm Văn U – sinh ngày 11/03/2008 có họ tên mẹ là Hoàng Thị V, họ tên cha là Phạm Văn S. Căn cứ khoản 1 Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình thì xác định Phạm Văn U – sinh ngày 11/03/2008 là con chung của bà V và ông S.

Khi ly hôn bà V yêu cầu được nuôi 01 con chung là Phạm Văn U – sinh ngày 11/03/2008. Xét thấy bà V có công việc và thu nhập ổn định cũng như nguyện vọng của con chung từ đủ 7 tuổi trở lên thì cháu U có mong muốn được sống cùng mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung Phạm Văn U – sinh ngày 11/03/2008 cho bà V được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên là có cơ sở pháp luật và phù hợp với thực tế.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà V không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Bà V và ông S không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[6] Về nợ chung: Bà V và ông S không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bà Hoàng Thị V khởi kiện ly hôn nên phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Hoàng Thị V đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA /2015/ 0007529 ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng. Bà Hoàng Thị V đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, khoản 1 Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị V đối với ông Phạm Văn S về tranh chấp ly hôn.

Bà Hoàng Thị V được ly hôn với ông Phạm Văn S.

2. Về con chung:

Giao con chung Phạm Văn U – sinh ngày 11/03/2008 cho bà Hoàng Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đến tuổi thành niên.

Ông Phạm Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí:

Bà Hoàng Thị V phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà V đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA /2015/ 0007529 ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ– tỉnh Lâm Đồng. Bà Hoàng Thị V đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay; Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND, VKSND tỉnh Lâm đồng;
- VKSND huyện, THADS huyện Đ;
- Cơ quan tiến hành đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI BẢO XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hà Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

K' Mák – K' Chiêu

Nguyễn Thị Hà Giang